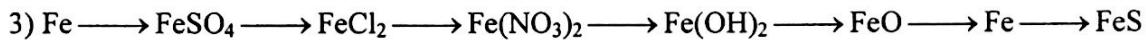
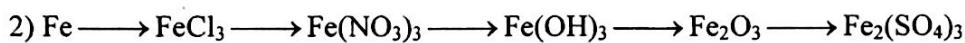
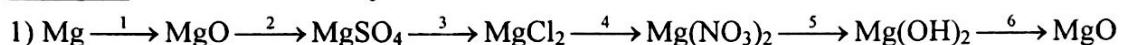


## I/ LÝ THUYẾT

1. Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ
2. Tính chất vật lý của kim loại
3. Tính chất hóa học của kim loại
4. Dãy hoạt động hóa học của kim loại
5. Tính chất vật lý, hóa học của nhôm, sắt. Ứng dụng, điều chế ...
6. Hợp kim của sắt: Gang, thép.

## II/ MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

### Dạng 1: Hoàn thành dãy biến hóa:



### Dạng 2: Xác định thành phần phần trăm khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp.

1) Cho 17,6g hỗn hợp hai kim loại Sắt và Đồng tác dụng hết với 200ml dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng dư. Sau phản ứng thu được 4,48 lít khí (đktc)

a) Xác định khối lượng và thành phần phần trăm khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp

b) Tính nồng độ mol của dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đã dùng

c) Tính C% của dung dịch muối thu được sau phản ứng

2) Cho hỗn hợp gồm 2 kim loại Mg và Cu tác dụng hết với 300g dung dịch HCl, sau phản ứng thu được 3,36 lít khí H<sub>2</sub> (đktc) và 3,2g chất rắn không tan

a) Tính khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp

b) Tính C% của dung dịch HCl

c) Tính C% dung dịch muối thu được sau phản ứng

d) Cho phần chất rắn còn lại tác dụng hết với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đặc nóng thì thu được bao nhiêu lít khí (đktc)?

### Dạng 3: Tìm tên kim loại:

Cho 19,5g một KL(II) tác dụng hết với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>; sau phản ứng thu được 6,72 lít khí (đktc). Xác định tên KL

### Dạng 4: Quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng, viết PTHH

1) Thả đinh sắt vào dung dịch CuSO<sub>4</sub>

2) Cho viên Na vào cốc đựng nước, nhỏ dung dịch fenolftalein

3) Đun nóng hỗn hợp sắt và lưu huỳnh.

**Dang 5: Nhận biết các chất**

- 1) Nhận biết dung dịch KCl, K<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, HCl, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, KOH
- 2) Nhận biết kim loại: Mg, Fe, Al

BAN GIÁM HIỆU



TỔ TRƯỞNG CM



Lê Thị Loan

NHÓM TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hà